

Số: 163/2023/QĐST-HNGĐ

Tháp Mười, ngày 03 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 267/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kiều N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Mai Thành N1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23/6/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Kiều N và anh Mai Thành N1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Kiều N và anh Mai Thành N1 tự nguyện ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Mai Thành T, sinh ngày 01/7/2009 cho anh N1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu T đang do anh N1 trực tiếp nuôi dưỡng), và anh N1 không yêu cầu chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng (đóng góp) nuôi dưỡng con chung cùng anh N1. Riêng con chung tên

Mai Thị Thúy H, sinh ngày 19/01/2004, đã trưởng thành nên chị N và anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N1 và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị N là người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con của anh N1.

2.3. Về chia tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị N tự nguyện nộp đủ 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003454 ngày 23/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị N được nhận lại tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- UBND xã Đốc Bình Kiều;
- (GCNKH số 119 ngày 16/9/2009)
- Lưu: HSVA, VP, (Búp).

THẨM PHÁN

Trần Văn Kiến